CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long

Ngày 31/12/2024	29,250 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.5%	**45.2%**	**59.1%**

DT thuần
Q4/24
135
tỷ VNĐ
YoY: ▼153| -53.1%

LN thuần
Q4/24
5.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.47| -7.7%
YoY: ▼29.2| -83.9%

LN sau thuế
Q4/24
7.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.84| 13.3%
YoY: ▼22.6| -75.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
7.4%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE
2024
12.1%
YoY: +/-▼ 3.5%

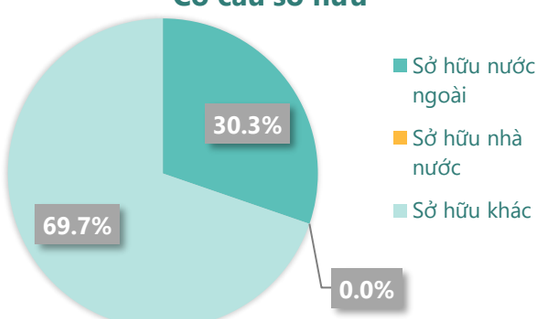
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,440 - 31,970
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	351
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,539
Sở hữu nước ngoài	30.3%
Beta	0.71
EPS	2,233
P/E	13.1

DT thuần
2024
476
tỷ VNĐ
YoY: ▼182| -27.5%

LN thuần
2024
21.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.4| -40.3%

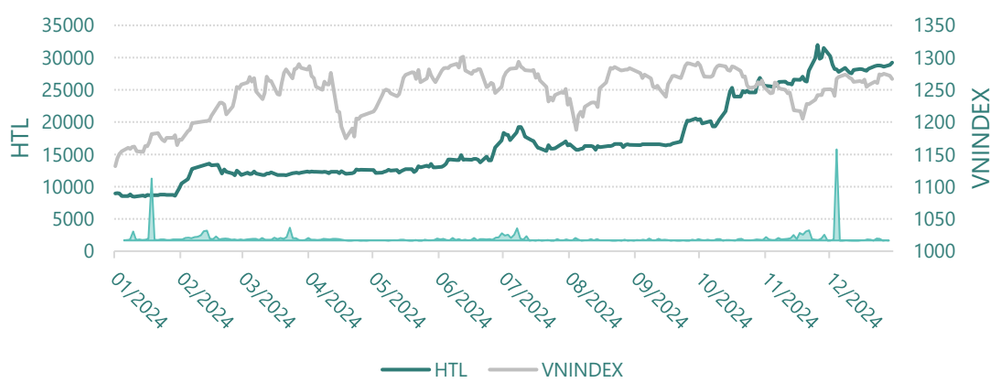
LN sau thuế
2024
26.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.5| -30.1%

Cơ cấu sở hữu

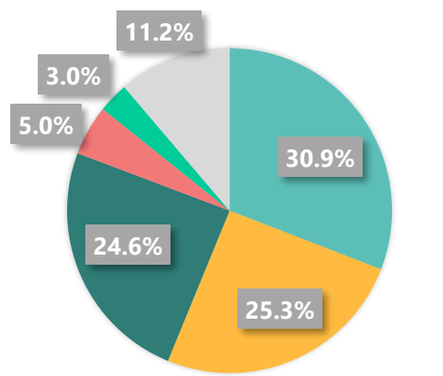


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

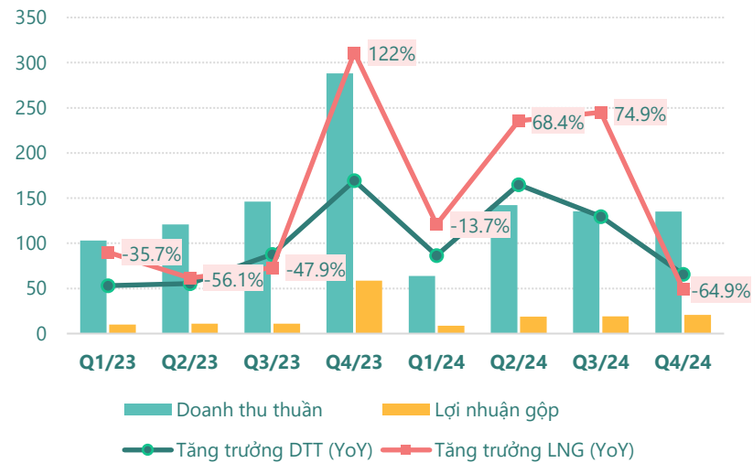


Lã Văn Trường Sơn (Thành viên HĐQT)
Nguyễn Thị Kiều Diễm (Chủ tịch HĐQT)
Chairatchakarn (Bangkok) Co., Ltd
Aichi Hino Motor Co.,Ltd
Lã Ngọc Đan Chinh
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

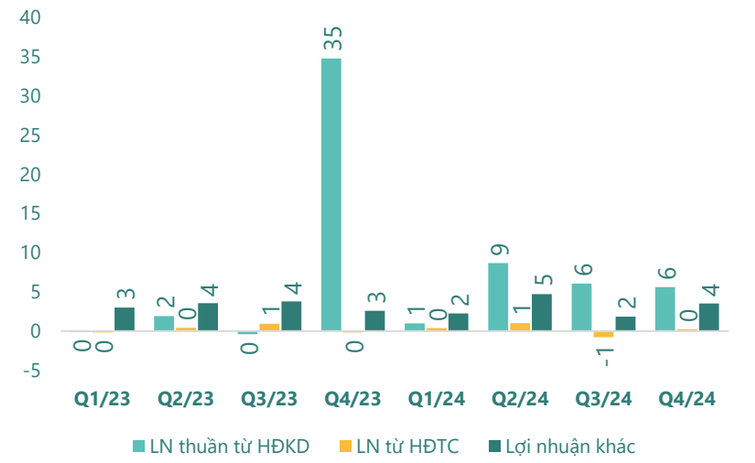
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



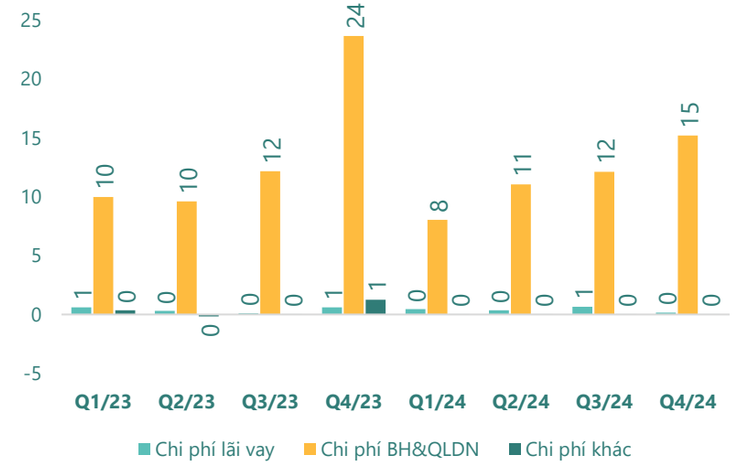
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



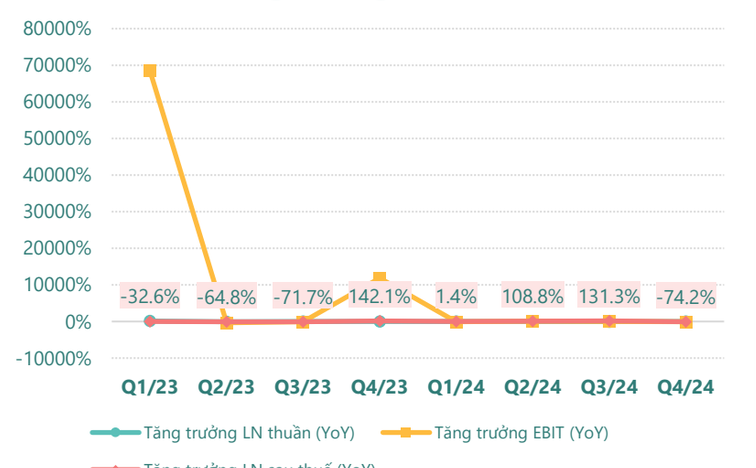
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



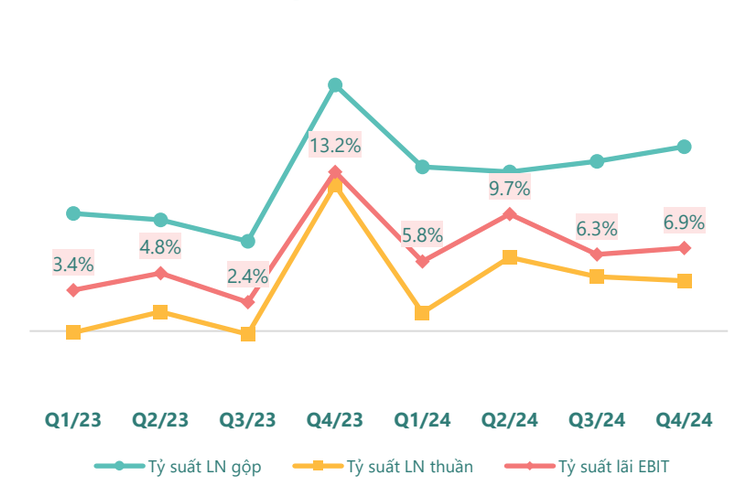
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



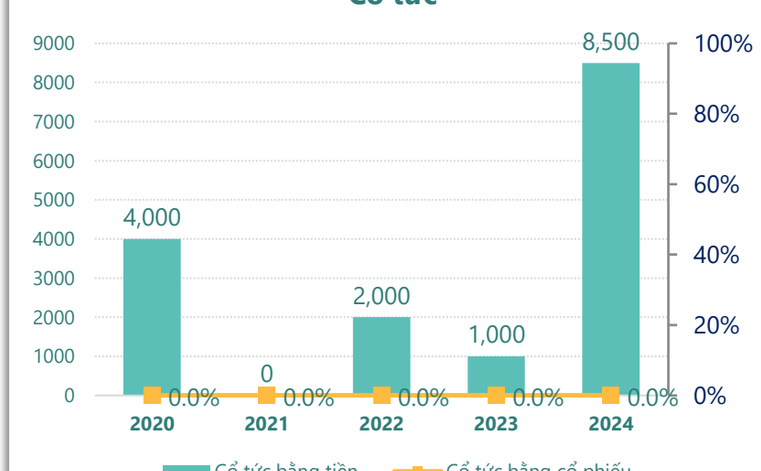
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

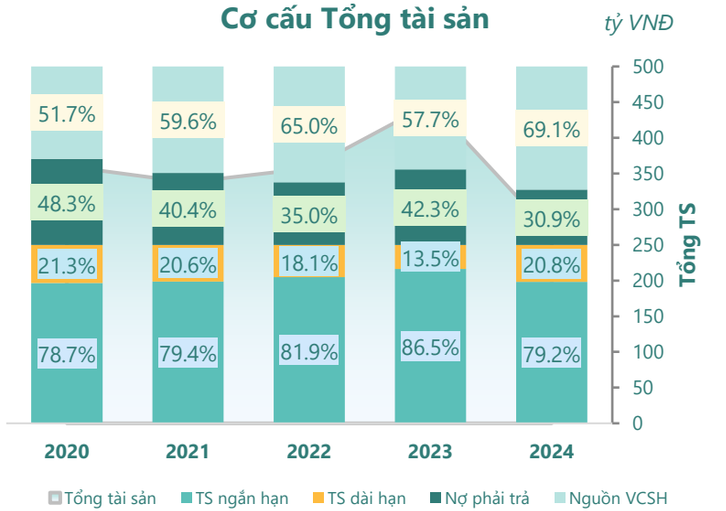
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

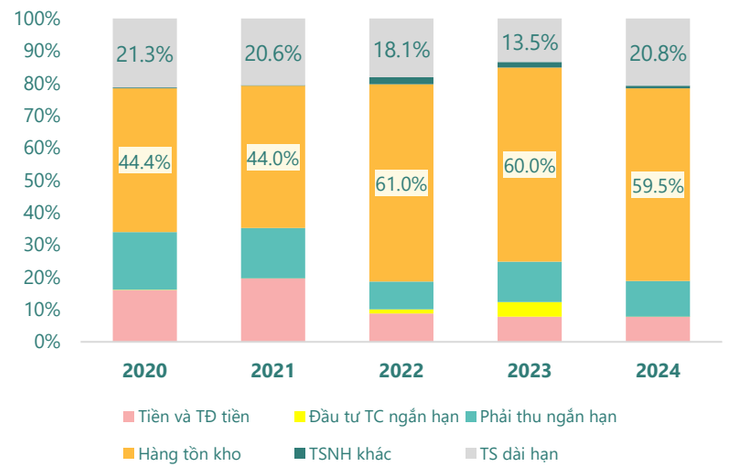
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



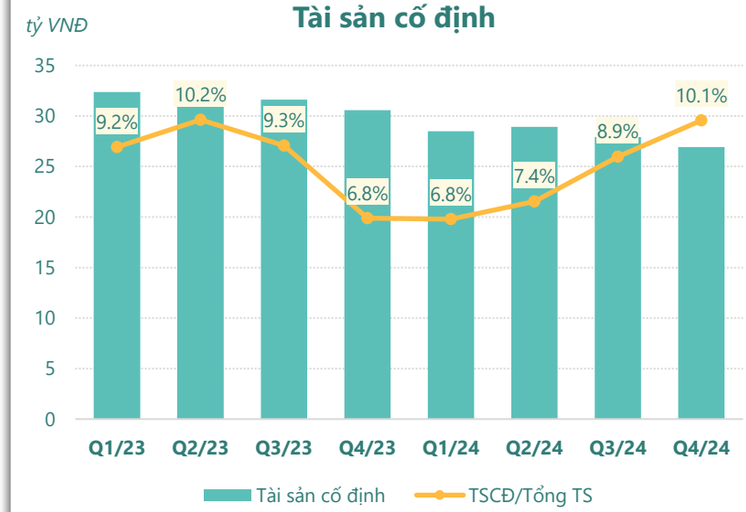
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



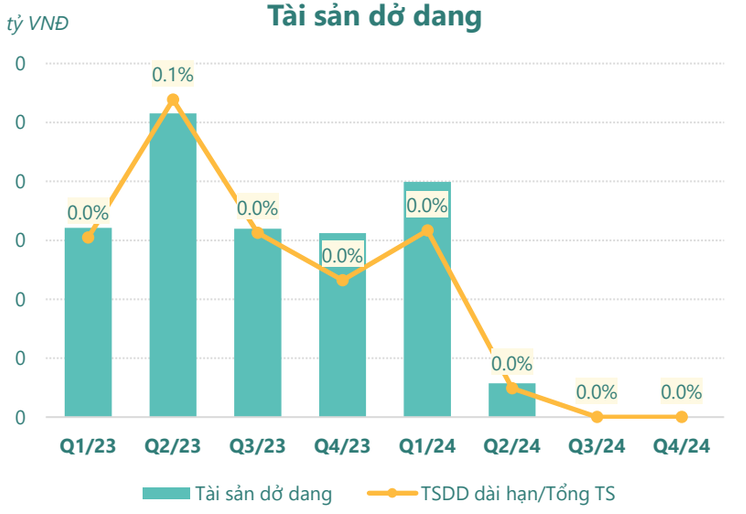
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



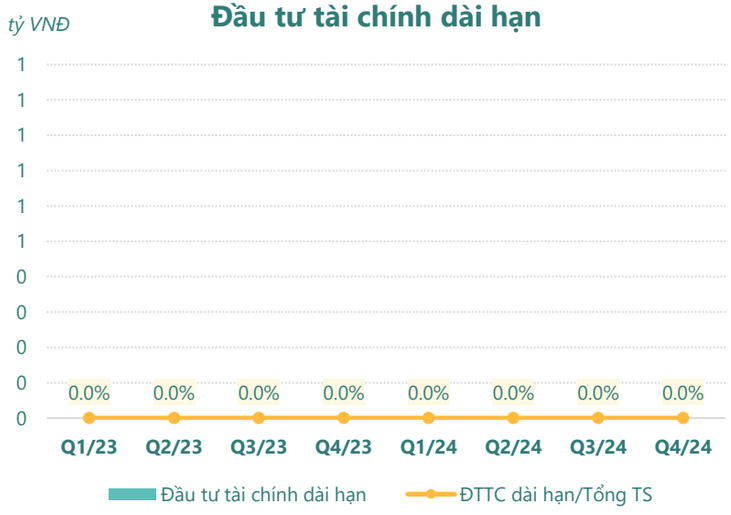
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



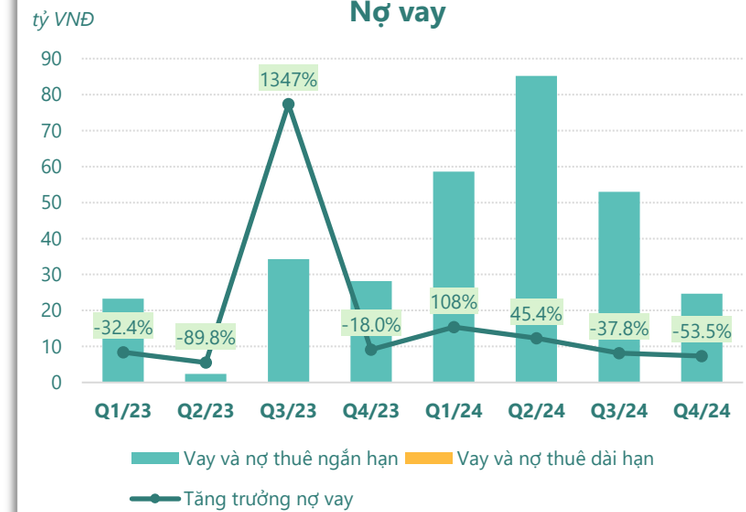
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

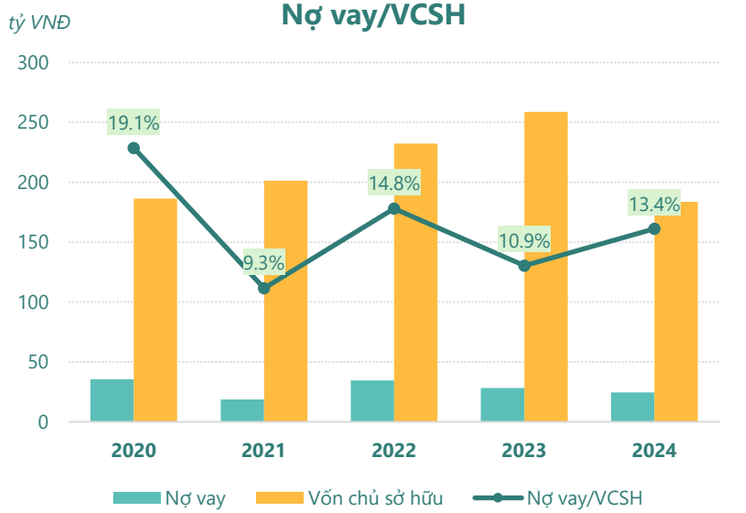
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

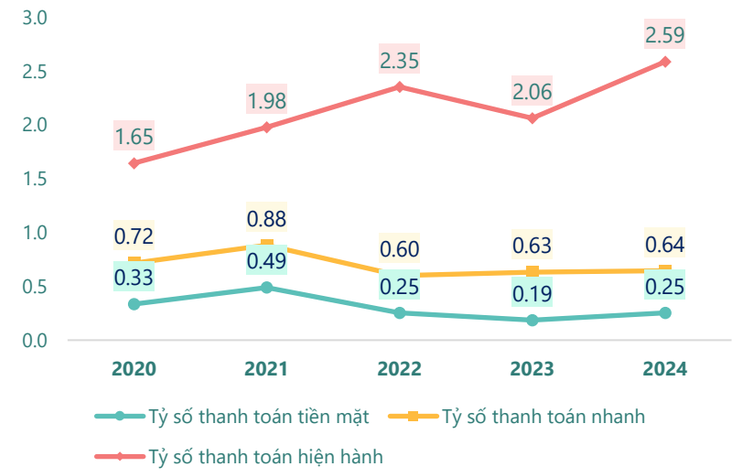
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



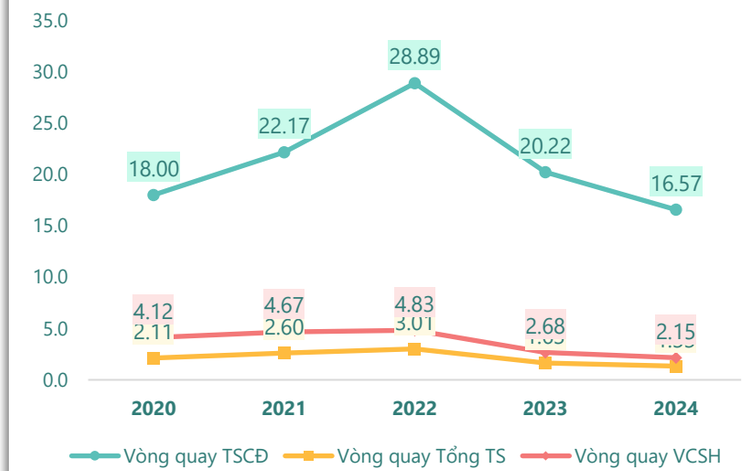
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



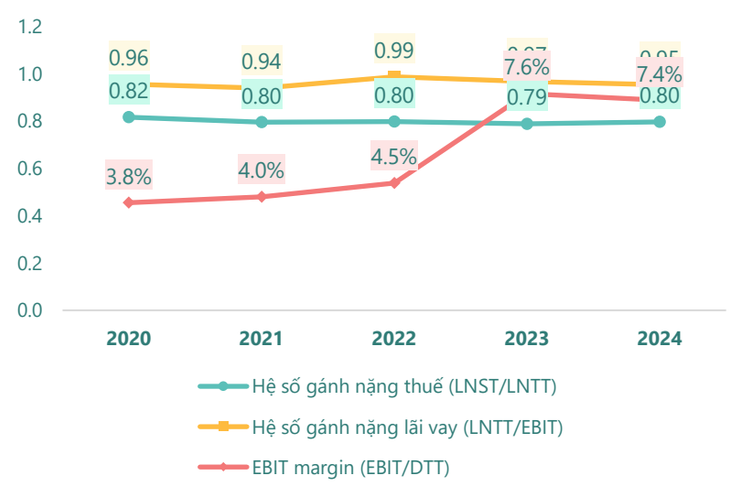
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



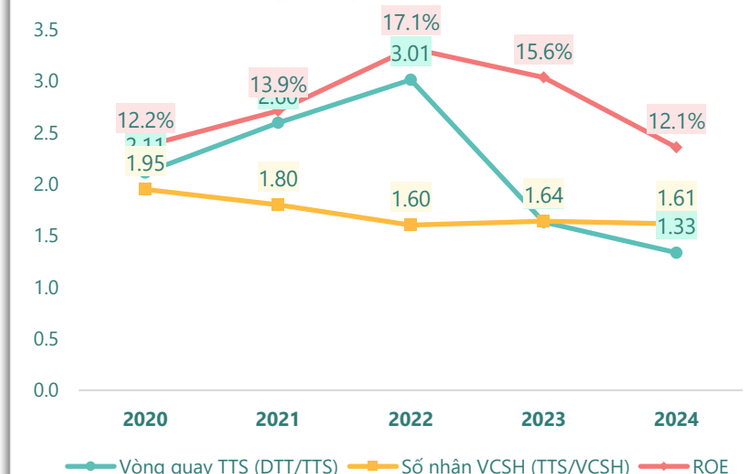
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



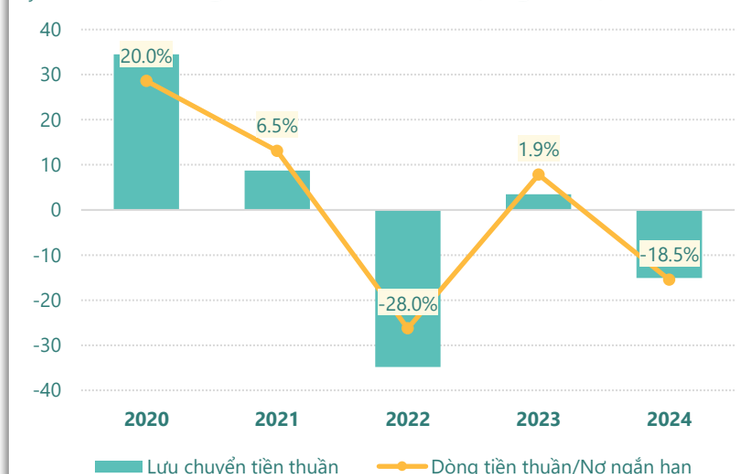
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**135**	**288**	**-53.1%**	**476**	**658**	**-27.5%**
Giá vốn hàng bán	114	229	-50.0%	410	567	-27.8%
Lợi nhuận gộp	20.6	58.6	-64.9%	67.0	90.4	-25.9%
Doanh thu HĐTC	0.40	0.43	-6.3%	3.05	2.66	14.7%
Chi phí TC	0.17	0.60	-72.1%	2.21	1.61	37.0%
Chi phí lãi vay	0.16	0.60	-72.5%	1.63	1.60	1.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.01	13.1	-31.2%	26.3	29.8	-11.8%
Chi phí QLDN	**6.22**	**10.6**	**-41.4%**	**20.2**	**25.9**	**-22.0%**
LN thuần từ HĐKD	5.60	34.8	-83.9%	21.3	35.7	-40.3%
Lợi nhuận khác	**3.52**	**2.58**	**36.2%**	**12.3**	**12.9**	**-4.3%**
LN trước thuế	9.12	37.3	-75.6%	33.6	48.6	-30.8%
Lợi nhuận sau thuế	**7.17**	**29.8**	**-75.9%**	**26.8**	**38.3**	**-30.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.17**	**29.8**	**-75.9%**	**26.8**	**38.3**	**-30.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-29.8	31.9	-52.8	16.6	80.0	57.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.48	-19.0	21.3	-21.1	-9.58	-0.37
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	31.9	-6.17	30.4	4.24	-69.8	-70.4
Tiền đầu kỳ	17.7	28.3	35.0	34.0	33.7	34.3
Lưu chuyển tiền thuần	**10.6**	**6.71**	**-1.04**	**-0.27**	**0.63**	**-13.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.03	-0.03	0
Tiền cuối kỳ	28.3	35.0	34.0	33.7	34.3	20.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**266**	**448**	**-40.7%**
Tài sản ngắn hạn	211	388	-45.7%
Tiền và tương đương tiền	20.6	35.0	-41.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.15	20.2	-99.3%
Phải thu ngắn hạn	29.3	56.0	-47.6%
Hàng tồn kho	158	269	-41.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.36	7.86	-70.0%
Tài sản dài hạn	**55.1**	**60.3**	**-8.6%**
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	26.9	30.6	-11.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.16	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**28.2**	**29.5**	**-4.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	82.1	189	-56.7%
Nợ ngắn hạn	**81.3**	**188**	**-56.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.6	28.1	-12.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	31.1	72.4	-57.0%
Nợ dài hạn	0.76	1.45	-47.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**184**	**259**	**-29.1%**
Vốn chủ sở hữu	**184**	**259**	**-29.1%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)